



Số/No.: 51/2026/CBTT

Ngày 30 tháng 07 năm 2026/ July 30, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK
INFORMATION DISCLOSURE ON ELECTRONIC PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION AND HO CHI MINH STOCK EXCHANGE**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

Công ty: Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt (TVS)

Name of Company: Thien Viet Securities Joint Stock Company (TVS)

Mã chứng khoán/Securities code: TVS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Harec, Số 4 Láng Hạ, P. Giảng Võ, TP. Hà Nội

Head office address: 15th Floor, Harec Building, 4 Lang Ha, Giang Vo Ward, Ha Noi

Điện thoại/ Telephone: 024 3248 4820

Fax: 024 3248 4821

Người thực hiện công bố thông tin/ Spokeswoman: Lê Thị Tuyết Nhung

Điện thoại/Telephone: 024 3248 4820 (ext: 6306)

Fax: 024 3248 4821

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

Type of information disclosure: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Irregular ☐ On Demand ☒ Periodic

Nội dung thông tin công bố/ *Information to be disclosed:*

Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên 2026/ *Report on Semiannual Corporate Governance 2026.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/07/2026 tại đường dẫn <https://www.tvs.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/> *This information was published on the Company's website on July 30, 2026: <https://www.tvs.vn/en/investor-relations>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We would declare to be fully responsible for the accuracy of the above information.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người ủy quyền CBTT

Person authorized to disclose information


Lê Thị Tuyết Nhung

Số: 30072026/BC-QTN
No: 30072026/BC-QTN

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026
Hanoi, 30th July 2026

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
Bán niên/Semi-Annual 2026

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam

To: - *The State Securities Commission;*
- *The Ho Chi Minh Stock Exchange.*
- *The Hanoi Stock Exchange.*
- *The Vietnam Stock Exchange.*

- Tên công ty/Name of company: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt/ *Thien Viet Securities JSC (TVS)*
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, phường Giảng Võ, Tp. Hà Nội/ *Floor 15th, Harec Building, 4 Lang Ha, Giang Vo Ward, Hanoi*
- Điện thoại/Telephone: (84-24) 3248 4820 Fax: (84-24) 3248 4821 Email: www.tvs.vn
- Vốn điều lệ/Charter capital: 2.286.399.170.000 đồng/ *VND 2,286,399,170,000*
- Mã chứng khoán/Stock symbol: *TVS*
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:
Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc/ *GMS, Board of Directors, Supervisory Board and General Director.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ *The implementation of internal audit: Implemented.*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông /Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions, and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026	- Thông qua Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2025/ to approve Board of Directors report in 2025. - Thông qua Báo cáo Ban điều hành năm 2025/ to approve Board of Management report in 2025. - Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát năm 2025/ to approve Supervisory Board report in 2025. - Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025/ to approve Audited Financial Statements in 2025. - Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025/ to approve FY 2025 Profit Distribution Plan (dựa trên số liệu của Báo cáo tài chính 2025 đã được kiểm toán/ based on audited FS in 2025). - Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026/ to approve Business Plan in 2026 - Thông qua Lựa chọn tổ chức kiểm toán cho năm 2026/ to approve the Appointment of the audit firm for fiscal year 2026 - Thông qua thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm Soát năm 2026/ to approve the Remuneration and operation funds for the BoD and the Supervisory Board in 2026 - Thông qua các giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ / to approve the transactions within the authority of the GSM - Thông qua kế hoạch phát hành trái phiếu/ to approve the Bond issuance plan - Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức của năm 2025/ to approve the Plan to issue shares to pay 2025 dividends - Thông qua đơn từ nhiệm của Bà Bùi Thị Kim Oanh- Thành viên HĐQT/ to approve the resignation letter of Ms Bui Thi Kim Oanh, BoD member - Thông qua việc bầu Ông Lý Xuân Hải làm Thành viên HĐQT mới tiếp quản phần nhiệm kỳ còn lại thay cho Bà Bùi Thị Kim Oanh / to approve the appointment of Mr Ly Xuan Hai as the new member to serve the remainder of term, replacing for Ms Bui Thi Kim Oanh - Thông qua việc miễn nhiệm/ bãi nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát của Bà Trần Thị Hồng Nhung/ to dismiss Ms Tran Thi

			<i>Hong Nhung from the position of member of the Supervisory Board</i> - Thông qua việc miễn nhiệm/ bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát của Ông Đỗ Việt Hùng/ <i>to dismiss Mr. Do Viet Hung from the position of the head of the Supervisory Board</i> - Thông qua việc bầu Bà Thái Thị Vân Anh làm Thành viên BKS mới thay cho thành viên vừa được miễn nhiệm/ bãi nhiệm/ <i>to approve the election of Ms Thai Thi Van Anh to be the new member to serve the remainder of term, replacing for the dismissed member</i> - Thông qua việc bầu Bà Trương Ngọc Hương Quỳnh làm Thành viên BKS mới thay cho thành viên vừa được miễn nhiệm/ bãi nhiệm/ <i>to approve the election of Ms Trương Ngọc Hương Quỳnh to be the new member to serve the remainder of term, replacing for the dismissed member</i>
--	--	--	---

II. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Directors:

Stt/ No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members (Nhiệm kỳ 2024-2028/ Term 2024-2028)	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) Independent members of the Board of Directors, Non- executive members of the Board of Directors)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
1	Ông Nguyễn Trung Hà /Mr. Nguyen Trung Ha	Chủ tịch HĐQT/ Chairman	24/04/2024	
2	Ông Terence Tìng/ Mr. Terence Tìng	Phó chủ tịch HĐQT/ Vice Chairman (thành viên HĐQT độc lập/ Independent member of the Board of Directors)	24/04/2024	
3	Bà Nguyễn Thanh Thảo /Mrs. Nguyen Thanh Thao	Thành viên HĐQT/ Member of the Board	24/04/2024	
4	Bà Bùi Thị Kim Oanh/ Mrs. Bui Thi Kim Oanh	Thành viên HĐQT/ Member of the Board	24/04/2024	23/4/2026
5	Ông Ngô Nhật Minh/ Mr. Ngo Nhat Minh	Thành viên HĐQT/ Member of the Board	24/04/2024	
6	Ông Trần Vinh Quang/ Mr. Tran Vinh Quang	Thành viên HĐQT/ Member of the Board	24/04/2024	

7	Ông Huỳnh Minh Việt/ <i>Mr. Huynh Minh Viet</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Member of the Board</i> (Thành viên HĐQT độc lập/ <i>Independent</i> <i>member of the Board of</i> <i>Directors</i>)	24/04/2024	
8	Ông Lý Xuân Hải/ <i>Mr. Ly Xuan Hai</i>	Thành viên HĐQT/ <i>Member of the Board</i> (Thành viên HĐQT độc lập/ <i>Independent</i> <i>member of the Board of</i> <i>Directors</i>)	23/4/2026	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt/ No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of</i> <i>Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings</i> <i>attended by Board of</i> <i>Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance</i> <i>rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for</i> <i>absence</i>
1	Ông Nguyễn Trung Hà <i>/Mr. Nguyen Trung Ha</i>	7/7	100%	
2	Ông Terence Ting/ <i>Mr. Terence Ting</i>	7/7	100%	
3	Bà Nguyễn Thanh Thảo/ <i>Mrs. Nguyen Thanh Thao</i>	7/7	100%	
4	Bà Bùi Thị Kim Oanh/ <i>Mrs. Bui Thi Kim Oanh</i>	4/4	100%	Từ nhiệm từ 23/4/2026/ <i>resigned</i> <i>from 23/4/2026</i>
5	Ông Trần Vinh Quang/ <i>Mr. Trần Vinh Quang</i>	7/7	100%	
6	Ông Ngô Nhật Minh/ <i>Mr. Ngo Nhat Minh</i>	7/7	100%	
7	Ông Huỳnh Minh Việt/ <i>Mr. Huynh Minh Viet</i>	7/7	100%	
8	Ông Lý Xuân Hải/ <i>Mr. Ly Xuan Hai</i>	3/3	100%	<i>Tham gia HĐQT từ</i> <i>23/4/2026/ joined</i> <i>BOD since</i> <i>23/4/2026</i>

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ *Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

- HĐQT giám sát việc điều hành và quản lý hoạt động kinh doanh của Tổng Giám Đốc, Ban điều hành thông qua báo cáo, cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất, nhằm đảm bảo thực hiện tuân thủ các Nghị quyết của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông/ *The BOD supervised CEO, Executive Board in*

operating and managing the business through regular meetings, the Supervisory Board and Internal Audit to ensure complying with Resolutions of the BOD and General Meeting of Shareholders.

- Ban Giám Đốc báo cáo thường xuyên, định kỳ hoặc theo yêu cầu của HĐQT về hoạt động kinh doanh như đầu tư, kinh doanh nguồn vốn, hoạt động môi giới, tự doanh, tư vấn tài chính, tình hình quản lý điều hành, tài chính, nhân sự và quản trị rủi ro của Công Ty/ *BOM has reported to the Board of Directors regularly, periodically or at requested by the Board of Directors (BOD) about investment, treasury, brokerage, principle investment, financial advisory, operating management, finance, human resources and risk management of the Company.*
- HĐQT và Ban Giám Đốc đã thảo luận các vấn đề quan trọng trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của TVS, cụ thể như sau/ *The Board of Directors and the Board of Management have discussed important matters relating to TVS's operations management as follows:*
 - Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2026/ *Organized Annual General Shareholders Meeting 2026.*
 - Kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2025/ *Conduct independent audit on the Financial Statements 2025.*
 - Lựa chọn đơn vị Kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2026/ *Selected audit firms for the 2026 financial statements.*
 - Xây dựng Chiến lược phân bổ nguồn vốn cho các mảng hoạt động kinh doanh/ *Conducted capital allocation for each business operations.*
 - Chấp thuận hạn mức vay vốn và chấp thuận giao dịch bên liên quan/ *Approved loan limit and related party's transactions.*
 - Tăng vốn điều lệ của Công ty và sửa đổi Điều 7.1 Điều lệ Công ty/ *Increased the Company's charter capital and amended Article 7.1 of the Company's Charter.*
 - Mua cổ phần do Công ty Cổ phần Camellia Wealth phát hành mới cho cổ đông hiện hữu/ *Purchased new shares issued by Camellia Wealth Joint Stock Company to existing shareholders.*
 - Triển khai và điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua/ *Implemented and amended the share issuance plan under the 2025 ESOP approved by the AGM.*
 - Tăng cường hoạt động kiểm soát và quản trị rủi ro trong toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty/ *Enhanced Risk management and internal control activities cover all company's operations.*
 - Xây dựng chiến lược số hóa hoạt động để nâng cao công tác quản trị và công ty hoạt động hiệu quả hơn/ *Developed digital transformation strategies to enhance the company's governance and the efficiency.*
 - Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý cho nhân viên/ *Developed and implementing training programs to enhance employees' professional skills and management capabilities.*
 - Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và cập nhật các chính sách nội bộ phù hợp với chuẩn mực quốc tế/ *Ensured compliance with current legal regulations and updating internal policies to align with international standards.*

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/ *Activities of the Board of Directors' committees (If any):*

- Hội đồng đầu tư trực thuộc Hội đồng quản trị thảo luận và quyết định vấn đề về đầu tư, kinh doanh vốn của Công ty. Trong năm 6 tháng năm 2026, Hội đồng đầu tư tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư tự doanh và kinh doanh nguồn vốn/ *Investment Committee ("IC") under the control of the Board of Directors, discussed and decided matters on Company's investment and treasury activities. In six months of 2026, IC is continuously strengthening the principal investment and treasury activities.*

- Ủy ban quản trị rủi ro (QTRR) trực thuộc Hội đồng quản trị rà soát khẩu vị và chính sách rủi ro cho TVS/ *Risk Management Committee is under control of the BOD, reviewing TVS's risk appetite and policy.*
- Ủy ban QTRR đánh giá, xem xét danh sách các rủi ro trọng yếu được nhận diện cùng với kế hoạch hành động để giảm thiểu rủi ro. Đồng thời, giám sát việc thực hiện chính sách, quy trình quản trị rủi ro/ *The Risk Management Committee assesses the list of significant risks identified with the action plans to minimize risks. Simultaneously, the Committee also monitors the implementation of risk management policies & procedures.*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị *Resolutions/Decisions of the Board of Directors:*

Stt / No	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	06012026/NQ-HĐQT	06/01/2026	Thông qua việc ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch với công ty liên kết, người có liên quan năm 2026/ <i>Approving the signing and execution of agreements and transactions with affiliated companies and related persons in 2026</i>	100%
2	06012026-01/NQ-HĐQT	06/01/2026	Thông qua việc mua cổ phần do Công ty Cổ phần Camellia Wealth phát hành mới cho cổ đông hiện hữu/ <i>Approving the purchase of new shares issued by Camellia Wealth Joint Stock Company to existing shareholders</i>	100%
3	13012026/NQ-HĐQT	13/01/2026	Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty và sửa đổi Điều 7.1 Điều lệ Công ty/ <i>Approving the increase of the Company's charter capital and the amendment of Article 7.1 of the Company's Charter</i>	100%
4	02032026/NQ-HĐQT	02/03/2026	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026/ <i>Approving the convening of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders</i>	100%
5	03042026/NQ-HĐQT	03/04/2026	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025/ <i>Approving the implementation of the share issuance plan under the 2025 ESOP approved by the AGM under Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 25, 2025</i>	100%
6	14052026/NQ-HĐQT	04/04/2026	Thông qua việc điều chỉnh một số nội dung tại phương án triển khai ESOP nêu tại Nghị quyết HĐQT số 03042026/NQ-HĐQT ngày 03/04/2026/ <i>Approving the amendment of certain contents of the ESOP implementation plan set out in BOD</i>	100%

Stt / No	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
			<i>Resolution No. 03042026/NQ-HĐQT dated April 3, 2026</i>	
7	28052026/NQ-HĐQT	28/05/2026	Thông qua hạn mức vay vốn và nhận bảo lãnh vay vốn của Công ty tại các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, các tổ chức và cá nhân khác/ <i>Approving the Company's loan and loan-guarantee limits at domestic and foreign credit institutions, other organizations and individuals</i>	100%
8	17062026/NQ-HĐQT	17/06/2026	Tăng vốn điều lệ của Công ty/ <i>Increasing Company's charter capital</i> Sửa đổi Điều 7.1 của Điều lệ Công ty/ <i>Amending Article 7.1 of the Company's charter.</i> Điều lệ sửa đổi đính kèm/ <i>The Amended Charter as attached</i>	100%
9	17062026-02/NQ-HĐQT	17/06/2026	Chọn và ký kết hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính bán niên (và các báo cáo khác nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước) theo quy định pháp luật trong năm tài chính 2026 cho công ty/ <i>Appointing and signing the audit contract with Ernst & Young Vietnam Limited to perform the audit of the annual financial statements and review the semi-annual financial statements (and other reports, if necessary, at the request of the State authorities) in accordance with the Law in the fiscal year 2026 for the company</i>	100%

III. Ban kiểm soát /Supervisory Board:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Information about members of Supervisory Board:

Danh sách thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2028/ List of Supervisory Board's members for the period from 2024 - 2028:

Stt No.	Thành viên BKS Members of Supervisory Board	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS The date becoming/ceasing to be the member of the Supervisory Board	Trình độ chuyên môn Qualification
1	Bà Thái Thị Vân Anh Ms. Thai Thi Van Anh	Trưởng Ban Kiểm Soát Head of Supervisory Board	23/04/2026 April 23, 2026	Cử nhân kinh tế thương mại (kế toán và tài chính) – Đại học Tổng hợp Melbourne, bang Victoria, Úc/ Bachelor of Commerce (major in Accounting and Finance) – The University of Melbourne, Victoria, Australia
2	Ông Bùi Thế Toàn Mr. Bui The Toan	Thành viên Member	26/04/2023 & Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2024 April 26, 2023 & Reappointed on April 25, 2024	MBA - Đại học mở Malaysia/ MBA of Open University of Malaysia
3	Bà Trương Ngọc Hương Quỳnh Ms. Truong Ngoc Huong Quynh	Thành viên Member	23/04/2026 April 23, 2026	Cử nhân Luật Kinh doanh, Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM / Bachelor of Business Law, University of Economics and Law, VNU-HCMC
4	Ông Đỗ Việt Hùng Mr. Do Viet Hung	Trưởng Ban Kiểm Soát Head of Supervisory Board	2019 & Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2024, miễn nhiệm ngày 23/04/2026 2019 & Reappointed on April 25, 2024, dismissed on April 23, 2026	MBA trường Insead tại Pháp/MBA at Insead University in France
5	Bà Trần Thị Hồng Nhưng Mrs. Tran Thi Hong Nhưng	Thành viên Member	2019 & Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2024, từ nhiệm ngày 23/04/2026 2019 & Reappointed on April 25, 2024, resigned on April 23, 2026	Cử nhân Tài Chính Doanh Nghiệp Đại Học Kinh Tế HCM/ Bachelor of Business Finance, University of Economics, Ho Chi Minh City

2. Cuộc họp của BKS/Meetings of Supervisory Board

BKS TVS đã thực hiện 1 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên và trao đổi các công việc theo thẩm quyền được giao.

TVS's Supervisory Board conducted 1 meetings to discuss work under its delegated authorities with 100% participation of members.

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà Thái Thị Vân Anh <i>Ms Thai Thi Van Anh</i>	1/1	100%	100%	
2	Ông Bùi Thế Toàn <i>Mr. Bui The Toan</i>	1/1	100%	100%	
3	Bà Trương Ngọc Hương Quỳnh <i>Ms. Truong Ngoc Huong Quynh</i>	1/1	100%	100%	

**3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/
*Monitoring Board of Directors, Board of Management, and shareholders by Supervisory Board:***

- Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026/ *Supervising the organization of Annual General Meeting of Shareholders 2026*
- Giám sát việc triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ/ *Supervising the implementation of AGM Resolutions*
- Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc/ *Supervising the Company's finance, the legality in activities of Board of Directors, Board of Management*
- Thực hiện kiểm tra và giám sát việc lập báo cáo tài chính Quý, bán niên và năm TVS/ *Supervising the preparation of quarterly, semi-annual and annual TVS financial statements*
- Giám sát việc công bố thông tin và giao dịch với các bên liên quan/ *Supervising the disclosure of information and related parties' transactions.*
- Đại diện BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu để nắm tình hình hoạt động của Công ty/ *Representatives of Supervisory Board participated in all BOD quarterly meetings and upon request to understand the Company's operations.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *the coordination among the Board of Supervisors, the Board of Management, Board of Directors, and other managers:*

Ban điều hành và các bộ phận nghiệp vụ đã cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho BKS được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra, giám sát kịp thời nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông. BKS đã kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực Kiểm soát nội bộ, Quản trị rủi ro và nâng cao chất lượng Quản trị doanh nghiệp tại TVS/ *The Board of Management and functional divisions supplied full information and facilitated the Supervisory Board to access documents for checking and supervising to ensure the Company's operations to be suitable and meet the shareholders' rights and benefits. The Supervisory Board has requested necessary changes in internal control, risk management and enhanced the quality of corporate governance at TVS.*

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Board of Supervisors*)(if any):
Không/No.

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management</i>
1	Bà Nguyễn Thanh Thảo <i>Mrs. Nguyen Thanh Thao</i>		Cử nhân kinh tế tại Moscow State University of Foreign Affairs (MGIMO), Nga và MBA tại California/ <i>Bachelor of economics at Moscow State University of Foreign Affairs (MGIMO), Russia and MBA in California</i>	08/03/2023
2	Ông Ngô Nhật Minh/ <i>Mr. Ngo Nhat Minh</i>		Thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật và Mô hình tài chính Trường Kinh doanh Toulouse và ISAE-SUPAERO/ <i>Master in Engineering and Financial Modeling from Business School of Toulouse and ISAE-SUPAERO</i>	24/04/2023
3	Ông Bùi Thành Trung/ <i>Mr. Bui Thanh Trung</i>		Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại tại Đại học Ngoại thương/ <i>Bachelor's degree in Foreign Economics from Foreign Trade University</i>	16/09/2024

V. Kế Toán Trưởng/Chief Accountant

Họ và tên <i>Name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment / dismissal</i>
Ông Đỗ Minh Tiến <i>Mr. Do Minh Tien</i>		Cử nhân Kế toán trưởng Đại học RMIT/ <i>Bachelor Degree in Accountancy at RMIT University</i>	02/12/2024

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo nội bộ theo quy định về quản trị công ty/ *Board of Directors, the Supervisory Board, Board of Management, other managers and secretaries participated internal training courses in accordance with regulations on corporate governance.*

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ The list of affiliated persons of the Company:

STT No	Tên tổ chức/cá nhân organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu ID card No./Passport No.	Ngày cấp date of issue	Nơi cấp place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company
1	Ông Nguyễn Trung Hà / Mr. Nguyen Trung Ha	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Ông Nguyễn Trung Hà / Mr. Nguyen Trung Ha		Chủ tịch HĐQT / Chairman of BOD			Hà Nội		24/04/2024			
2	Terence Ting / Mr. Terence Ting		Phó Chủ tịch HĐQT/Vice Chairman of the BOD			USA		24/04/2024			
3	Bà Bùi Thị Kim Oanh/ Mrs. Bui Thi Kim Oanh		TV HĐQT/ Member of BOD (từ nhiệm ngày 23/04/2026/ resigned on April 23, 2026)			Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		24/04/2024	23/04/2026		
4	Ông Lý Xuân Hải/ Mr. Ly Xuan Hai		TV HĐQT/ Member of BOD			Bộ Công An		23/04/2026			
5	Bà Nguyễn Thanh Thảo/ Mrs. Nguyen Thanh Thao		TV HĐQT/ Member of BOD Tổng GĐ/ CEO			Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		24/04/2024			

6	Ngô Nhật Minh/Mr Ngô Nhật Minh		Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc/Member of BOD, Deputy General Manager			Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		24/04/2024			
7	Trần Vinh Quang/Mr Tran Vinh Quang		Thành viên HĐQT/Member of BOD			Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		24/04/2024			
8	Huỳnh Minh Việt/Mr Huỳnh Minh Việt		Thành viên HĐQT/Member of BOD			Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		24/04/2024			TV HĐQT của Công ty con (TVAM)/ BOD member of Subsidiary (TVAM)
9	Ông Bùi Thành Trung/Mr Bùi Thanh Trung		Phó Tổng giám đốc cấp cao /Senior Vice President			Cục Cảnh sát QLHC về TTXH					
10	Ông Đỗ Minh Tiến/ Mr. Do Minh Tien		Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng/ CFO cum Chief Accountant			Cục CS QLHC về TTXH		02/12/2024			
11	Ông Đỗ Việt Hùng/Mr. Do Viet Hung		Trưởng BKS/Head of Board of Supervisors (miễn nhiệm ngày 23/04/2026/ dismissed on April 23, 2026)			Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		24/04/2024	23/04/2026		
12	Bà Trần Thị Hồng Nhung/Mrs. Tran Thi Hong Nhung		Thành viên Ban Kiểm soát /Member of Board of Supervisors (từ nhiệm ngày 23/04/2026/			Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		24/04/2024	23/04/2026		TV HĐQT Công ty con (TVAM)/ Member of BOD, Person in charge of



18	Bà Đinh Thị Hoa/Mrs. Đinh Thị Hoa					Hà Nội		29/03/2019		Cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần công ty/ Shareholders holding more than 10% of the company's shares
19	Ông Nguyễn Hòa Chung/Mr. Nguyễn Hòa Chung					Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		17/07/2024		Chủ tịch HDQT Camellia Wealth/ Chairman of Camellia Wealth (Công ty con của TVAM/ Subsidiary of TVAM)
20	Bà Lại Hải Hoa/Mrs. Lai Hai Hoa					Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		25/12/2015		Thành viên HDQT Camellia Wealth/ Member of BOD of Camellia Wealth (Công ty con của TVAM/ Subsidiary of TVAM)
21	Bà Nguyễn Thị Anh Tú/ Mrs. Nguyễn Thị Anh Tú					Cục Cảnh sát QLHC về TTXH		11/06/2015		Kế toán trưởng của công ty con (TVAM)/ Chief Accountant ở Subsidiary (TVAM)
22	CTCP Quản Lý Quỹ Thiên Việt (TVAM)/ Thiên Việt Asset Management		15/UBCK- GPĐQLQ	28/12/2006		Ủy ban chứng khoán Nhà nước	Lầu 9, 63A Võ Văn Tân, phường Xuân Hòa, TP.HCM			Công ty con/ Subsidiaries

23	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ <i>Camellia Wealth JSC</i>			0317657066	19/01/2023	Số Kế hoạch và Đầu tư HCM	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam			Công ty con của TVAM/ <i>Subsidiaries of TVAM</i>
24	Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh/ <i>Thien Minh Credit Rating JSC</i>			0109307286	14/08/2020	Sở KH&ĐT Hà Nội/ DPI Hanoi	Tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Giảng Võ, Hà Nội			TVS sở hữu trên 10% Thiên Minh/ <i>TVS own more than 10% stocks of Thien Minh</i>
25	Công ty Cổ phần CASSA/ <i>CASSA JSC</i>			01111083604	10/06/2025	Sở Tài chính Thành phố Hà Nội	Tầng 15, Tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Giảng Võ, Hà Nội	10/06/2025		TVS sở hữu trên 10% CASSA/ <i>TVS own more than 10% stocks of CASSA</i>
26	Cypress Growth Partners Pte Ltd ("Cypress")			202312271Z	30/03/2023	Singapore	23A Neil Road, Singapore 088815			Công ty con của Camellia Wealth/ <i>Camellia Wealth's subsidiary</i>

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CCCD/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operation or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/ individual	Mối quan hệ liên quan với công ty /Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. * date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty /Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)/ Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note
1	Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt/ Thien Viet Asset Management JSC	Công ty con/ Subsidiaries	15/UBCK- GPHDQLQ	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, Việt Nam	Bán niên năm 2026/Half year 2026	Nghị quyết số/ Resolution No: 08022023/NQ- HQT-01	- Phí quản lý danh mục/ Portfolio management fee: 3,9 tỷ/ Billion VND - Mua bán tài sản tài chính/ Buying and selling financial assets: 49 tỷ/Billion VND - Cổ tức bằng tiền/Cash dividends: 89,9 tỷ/Billion VND	- Giao dịch thường xuyên trong năm 2026/ Frequent transactions in 2026 - Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch: số liệu được tổng hợp từ báo cáo tài chính riêng bán niên - 2026 (đã CBTT)/ Content, quantity, and total
2	Công ty Cổ phần Finsight/ Finsight JSC	Người có liên quan/ Affiliated person	0316449345	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân	Bán niên năm 2026/Half year 2026	Nghị quyết số/ Resolution No: 08022023/NQ- HQT-01	- Phí môi giới chứng khoán/ Commission fee: 0,53 tỷ/ Billion VND - Mua bán tài sản tài chính/ Buying and	

transaction value: data collected from separate financial statements for the half year of 2026 (disclosed)						
			Hòa, TP.HCM, Việt Nam			selling financial assets: 222,7 tỷ/Billion VND - Trái phiếu phát hành/Bond issuance: 150 tỷ/Billion VND - Chi phí lãi vay: 0,46 tỷ/Billion VND - Tiền gửi nhà đầu tư/Investor deposits: 0,00006 tỷ/Bilion VND - Mua bán tài sản tài chính/ Buying and selling financial assets: 3.370,63 tỷ/Billion VND - Cổ tức bằng tiền/Cash dividends: 24,94 tỷ/Billion VND - Góp vốn/Capital contribution: 85,08 tỷ/Billion VND
					Nghị quyết số/ Resolution No: 08022023/ NQ-HĐQT-01	
				Bán niên năm 2026/Half year 2026	Nghị quyết số/ Resolution No: 10012023-2/NQ-HĐQT, 08022023/NQ-HĐQT-01, 18072023/NQ-HĐQT	
			Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam			
3	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC	Công ty con của TVAM/ Subsidiary of TVAM		03117657066		
						</

	<i>Growth Fund</i>				Phường Xuân Hòa, TP.HCM, Việt Nam				
6	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4/ <i>Thien Viet 4 Growth Fund</i>	Người liên quan / <i>Affiliated persons</i>	28/GCN-UBCK	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, Việt Nam	Bán niên năm 2026/ <i>Half year 2026</i>	- Phí giao dịch/ <i>transaction fees:</i> 0,067 Tỷ/ <i>Billion VND</i>			
7	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5/ <i>Thien Viet 5 Growth Fund</i>	Người liên quan / <i>Affiliated persons</i>	380/GCN-UBCK	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, Việt Nam	Bán niên năm 2026/ <i>Half year 2026</i>	- Phí giao dịch/ <i>transaction fees:</i> 0,048 Tỷ/ <i>Billion VND</i>			

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CCCD/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

Stt / No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Chức vụ tại CTNY/ Position at the listed Company	Số CCCD/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue	Địa chỉ/ Address	Tên công ty con, công ty nắm quyền kiểm soát/ Name of subsidiaries or companies which the Company control	Thời điểm giao dịch/ Time of transaction	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú/ Note
1	Công ty Cổ phần Finsight/ Finsight JSC	Bà Nguyễn Thanh Thảo - Tổng Giám Đốc công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt (TVS) và là Chủ tịch HĐQT Finsight. Ms. Nguyen Thanh Thao – CEO of Thien Viet Securities JSC (TVS), Chairwoman of Finsight.		15/UBCK-GPHDQLQ	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, Việt Nam	Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt/ Thien Viet Asset (TVAM)	Bán niên năm 2026/Half year 2026	- Phí quản lý danh mục/ Portfolio management fee: 49,97 tỷ/ Billion VND Cổ tức từ cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại/Dividends from preference dividend and redeemable shares: 10,19 Tỷ/Billion VND Cổ tức từ cổ phiếu phổ thông/Dividends from ordinary	

2	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3/ <i>Thien Viet 3 Growth Fund</i>	Ông Trần Vinh Quang - Người điều hành quỹ/ <i>Mr. Tran Vinh Quang - Fund Manager of Thien Viet 3 Growth Fund</i>		35/GCN-UBCK	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, Việt Nam	Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt/ <i>Thien Viet Asset (TVAM)</i>	Bán niên năm 2026/ <i>Half year 2026</i>	Phí quản lý quỹ: 1,30 tỷ VND/ <i>Fund management fee: VND 1.30 billion</i>	shares: 9,40 Tỷ/ <i>Billion VND</i>
3	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4/ <i>Thien Viet 4 Growth Fund</i>	Ông Trần Vinh Quang - Người điều hành quỹ/ <i>Mr. Tran Vinh Quang - Fund Manager of Thien Viet 4 Growth Fund</i>		28/GCN-UBCK	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, Việt Nam	Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt/ <i>Thien Viet Asset (TVAM)</i>	Bán niên năm 2026/ <i>Half year 2026</i>	Phí quản lý quỹ: 1,28 tỷ VND/ <i>Fund management fee: VND 1.28 billion</i>	
4	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5/ <i>Thien Viet 5 Growth Fund</i>	Ông Trần Vinh Quang - Người điều hành quỹ/ <i>Mr. Tran Vinh Quang - Fund Manager of Thien Viet 5 Growth Fund</i>		380/GCN-UBCK	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP.HCM, Việt Nam	Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt/ <i>Thien Viet Asset (TVAM)</i>	Bán niên năm 2026/ <i>Half year 2026</i>	Phí quản lý quỹ: 1,07 tỷ VND/ <i>Fund management fee: VND 1.07 billion</i>	
5	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ <i>Camellia Wealth JSC</i>	Bà Trần Thị Hồng Nhung - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Camellia Wealth		0317657066	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần,	Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt/ <i>Thien Viet</i>	Bán niên năm 2026/ <i>Half year 2026</i>	- Mua bán tài sản tài chính/ <i>Buying and selling financial assets:</i>	

		(“Camellia Wealth”). <i>Ms. Tran Thi Hong Nhung – Member of BOD of Camellia Wealth JSC (“Camellia Wealth”)</i>			Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Asset (TVAM)		51,75 tỷ/Billion VND - Góp vốn/Capital contribution: 148,20 tỷ/Billion VND - Cổ tức bằng tiền/Cash dividends: 107,0 7 tỷ/Billion VND	
6	Cypress Growth Partners Pte. Ltd – Công ty con của Camellia Wealth <i>Camellia Wealth’s subsidiary</i>	Bà Nguyễn Thanh Thảo – Tổng Giám Đốc công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt (TVS) và người điều hành của Cypress <i>Ms. Nguyen Thanh Thao – CEO of Thien Viet Securities JSC (TVS), The management person of Cypress Growth Partners Pte. Ltd.</i>		202312271Z	23A Neil Road, Singapore	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC	Bán niên năm 2026/ <i>Half year 2026</i>	<i>Không có/None</i>	

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects:

- 4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/Transactions between the Company and the company that its members of Board of Directors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): như trình bày tại mục VII.2 trên đây/ As presented in Sections VII.2 above.
- 4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): Không có/ None
- 4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: Không có/ None

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ / Share transactions of internal persons and their affiliated persons

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ công ty/ The list of internal persons and their affiliated persons

	Mã STT/ Chứng khóa/ Code No	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khóa (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v/v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16	17
I															
1	TVS	Ông Nguyễn Trung Hà/ Mr. Nguyen Trung Ha		Chủ tịch/ Chairman		CCCD			Cục CS & QLHC Về TTXH	69,856,330	30.55%	24/04/2024		Bổ nhiệm/ Appointment	
1.01	TVS	Nguyễn Thị Việt Liên/ Mrs Nguyen Viet Lien			Vợ/ Wife	CCCD			Cục CS & QLHC Về TTXH	-	0.00%				
1.02	TVS	Nguyễn Lý Hiền Nga/ Ms Nguyen Ly Hien Nga			Con/ Daughter	CCCD			Cục CS & QLHC Về TTXH	-	0.00%				
1.03	TVS	Nguyễn Hồ Linh Giang/ Ms Nguyen Ho Linh Giang			Con/ Daughter	CCCD			Cục CS & QLHC Về TTXH	-	0.00%				
1.04	TVS	Nguyễn Trung Anh/ Mr Nguyen Trung Anh			Anh/ Brother	CCCD			Cục CS & QLHC Về TTXH	31,949	0.01%				
1.05	TVS	Lê Thị Nguyễn Phuong/ Ms. Le Thi Nguyen Phuong			Chị dâu/ Sister in law	CCCD			Cục CS & QLHC Về TTXH	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH/ (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ percenta ge	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
1.06	TVS	Nguyễn Trung Thành/ Mr Nguyen Trung Thanh	0		Em/ Brother	CCCD			Cục CS & QLHC về TTXH	184,003	0.08%				
1.07	TVS	Nguyễn Thị Thu Hằng/ Ms. Nguyen Thi Thu Hang			Em dâu/ Sister in Law	CCCD			Cục CS & QLHC về TTXH	-	0.00%				
1.08	TVS	Phan Châu Thành/ Mr Phan Chau Thanh			Con rể/ Son in Law	CCCD			Cục CS & QLHC về TTXH	-	0.00%				
1.09	TVS	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam/ Carbon Viet Nam JSC			Thành Viên HĐQT/ Member of BOD	ĐKKD/ ERC			Sở KH&ĐT Hà Nội/ DPI Hanoi	-	0.00%				
1.10	TVS	Công ty cổ phần Hồ Toán / Hồ Toán JSC			Thành Viên HĐQT/ Member of BOD	ĐKKD/ ERC			Tuyên Quang	-	0.00%				
1.11	TVS	Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh/ Thiên Minh Credit Rating JSC			Chủ Tịch HĐQT/ Chairman of BOD	ĐKKD/ ERC	0109307286	14/08/2020	Sở KH&ĐT Hà Nội/ DPI Hanoi	-	0.00%				
1.12	TVS	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt/ Thiên			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ của TVAM/ The	Giấy phép HD	15/ UBCK- GPĐQLQ	28/12/2006	UBCKNN	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH/ (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số gây NSH và ghi chú khác)
		Viet Asset management JSC			management of TVS – the parent company of TVAM										
1.13	TVS	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Công ty Cổ phần Camellia/ The management of TVS – the parent company of Camellia JSC	ĐKKD	0317657066	19/01/2023	Số Kế hoạch và đầu tư TPHCM	-	0.00%				Camellia Wealth là công ty con của TVAM Wealth/ Camellia Wealth is TVAM's subsidiary
1.14	TVS	Cypress Growth Partners Pte Ltd ("Cypress")			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Cypress/ The management person of TVS – the indirect parent company of Cypress	ĐKKD	202312271Z	30/03/2023	Singapore	-	0.00%				Cypress là công ty con của CTCP Camellia Wealth/ Cypress is Camellia's subsidiary
2	TVS	Terence Ting		Phó Chủ tịch HĐQT/ Vice		Hộ chiếu/ Passport			USA	-	0.00%	24/04/2024		Bổ nhiệm/ Appointment	

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v/v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
				Chairman of the BoD											
2	TVS	Terence Ting		Phó Chủ tịch HDQT/ Vice Chairman of the BoD		Mã số GD/ Trading Code			VSD	-	0.00%				
2.01	TVS	Ava TING FUNG Pui Yuk			Mẹ/ Mother	Hộ chiếu/ Passport				-	0.00%				
2.02	TVS	Grace Lu TING			Vợ/ Wife	Hộ chiếu/ Passport			USA	-	0.00%				
2.03	TVS	Aidan Jizhong TING			Con/ Child	Hộ chiếu/ Passport			USA	-	0.00%				
2.04	TVS	Sebastian Jixiao TING			Con/ Child	Hộ chiếu/ Passport			USA	-	0.00%				
2.05	TVS	Valence Private Investments Limited			Giám đốc/ Director	ĐKKD/ ERC	2656345	14/02/2018	Hongkong	-	0.00%				
2.06	TVS	CTCP Di động Trục tuyến/ Online Mobile Services JSC			TV HĐQT/ BoD Member	ĐKKD/ ERC	0305289153	26/10/2007	Sở KH ĐT, TP. HCM	-	0.00%				
2.07	TVS	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt/ Thien Viet Asset			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ của TVAM/ The management of TVS – the	Giấy phép HD	15/ UBCK- GPHDQLQ	28/12/2006	UBCKNN	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v/v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
		management JSC			parent company of TVAM										
2.08	TVS	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Công ty Cổ phần Camellia/ The management of TVS – the parent company of Camellia JSC	ĐKKD	0317657066	19/01/2023	Số Kế hoạch và đầu tư TPHCM	-	0.00%				Camellia Wealth là công ty con của TVAM Wealth/ Camellia Wealth is TVAM's subsidiary
2.09	TVS	Cypress Growth Partners Pie Ltd ("Cypress")			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Cypress/ The management person of TVS – the indirect parent company of Cypress	ĐKKD	202312271Z	30/03/2023	Singapore	-	0.00%				Cypress là công ty con của CTCP Camellia Wealth/ Cypress is Camellia's subsidiary
3	TVS	Bùi Thị Kim Oanh/ Mrs. Bui Thi Kim Oanh		Thành viên HDQT/ Member of BOD					Cục CS & QLHC Về TTXH	2,070,195	0.91 %		23/04/2026	Từ nhiệm từ 23/4/2026/ resigned from 23/4/2026	

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (C/CDD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
3.01	TVS	Lê Đình Long/ Mr. Le Dinh Long			Chồng/ Husband				Cục CS & QLHC Về TTXH	-	0.00%				
3.02	TVS	Lê Thành Nam/ Mr. Le Thanh Nam			Con/ Son				Cục CS ĐKQLCT & DLQG Về Dân Cư	-	0.00%				
3.03	TVS	Bùi Hồng Yến/ Mrs Bui Hong Yen			Em gái/ Sister				Cục CS ĐKQLCT & DLQG Về Dân Cư	-	0.00%				
3.04	TVS	Chấn Quyết Thắng/ Mr Chan Quyet Thang			Em rể/ Brother in Law					-	0.00%				
3.05	TVS	Trương Thị Thu Trang/ Ms Trương Thị Thu Trang			Con dâu/ Daughter in Law					-	0.00%				
3.06	TVS	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt/ Thien Viet Asset management JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ của TVAM/ The management parent company of TVS – the parent company of TVAM	Giấy phép HD	15/ UBCK- GPHĐQLQ	28/12/2006	UBCKNN	-	0.00%				
3.07	TVS	Công ty Cổ phần Camellia			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ	ĐKKD	0317657066	19/01/2023	Số Kế hoạch và	-	0.00%				Camellia Wealth là công ty con

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (OCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (vụ không có số giấy NSH và ghi chú khác)
		Wealth/ Camellia Wealth JSC			gián tiếp của Công ty Cổ phần Camellia/ The management of TVS – the parent company of Camellia JSC	Giấy NSH (OCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type			đầu tư TPHCM						của TVAM Wealth/ Camellia Wealth is TVAM's subsidiary
3.08	TVS	Cypress Growth Partners Pte Ltd (“Cypress”)			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Cypress/ The management person of TVS – the indirect parent company of Cypress	ĐKKD	202312271Z	30/03/2023	Singapore	-	0.00%				Cypress là công ty con của CTCP Camellia Wealth/ Cypress is Camellia's subsidiary
4		Ông Mr. Lý Xuân Hải/ Mr Ly Xuan Hai			Thành viên HĐQT/ Board member				Bộ Công An	-	0.00%	23/04/2026		Bổ nhiệm/ Appointment	
4.01		Nguyễn Hoài Linh/ Mrs. Nguyen Hoai Linh			Vợ Wife				Bộ công an/ Ministry of Public Security	-	0.00%				
4.02		Lý Hải Thu/ Ms. Ly Hai Thu	-		Con/ Child				Bộ công an/ Ministry	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v/v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
4.03		Lý Việt Hung/ Mr. Ly Viet Hung			Em trai/ Younger brother				Bộ công an/ Ministry of Public Security	-	0.00%				
4.04		Nguyễn Việt Dũng/ Mr. Nguyen Viet Dung			Em vợ/ Brother-in- law				Bộ công an/ Ministry of Public Security	-	0.00%				
4.05		Nguyễn Văn Thân/ Mr. Nguyen Van Than			Cha vợ/ Father-in-law				Bộ công an/ Ministry of Public Security	-	0.00%				
4.06		Nguyễn Thị Kim Hải/ Mrs. Nguyen Thi Kim Hai			Mẹ vợ/ Mother-in- law				Bộ công an/ Ministry of Public Security	-	0.00%				
4.07		Công ty cổ phần xây lắp SRE (SREC) HDQT/ SRE Construction JSC Corporation:			Chủ tịch HDQT/ Chairman of the Board		0317091341	16/01/2025	Phòng ĐKKD Sở KH-ĐT Bà Rịa - Vũng Tàu	-	0.00%				
4.08		Công ty cổ phần thiết kế GREEN/ GREEN Engineering			Phó Chủ tịch HDQT/ Vice Chairman of the Board		0318173149	20/11/2023	Phòng ĐKKD Sở KH-ĐT TP HCM	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
		JSC													
4.09		Công ty TNHH đầu tư HDS/ HDS Holding Ltd			Chủ tịch Hội đồng thành viên/ Chairman		0310294303	18/04/2025	Phòng ĐKKD Sở Tài Chính TP HCM	-	0.00%				
4.10		Công ty TNHH đầu tư Ly's Holding/ Ly's Holding Ltd.			Chủ tịch Hội đồng thành viên/ Chairman		0318001735	21/08/2023	Phòng ĐKKD Sở KH-ĐT TP HCM	-	0.00%				
4.11		CTCP Tư lự B'Lao/ B'Lao Silk JSC Corporation			Chủ tịch HĐQT/ Chairman		0316512847	09/08/2025	Phòng ĐKKD Sở Tài chính Lâm Đồng	-	0.00%				
4.12	TVS	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt/ Thien Viet Asset management JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ của TVAM/ The management of TVS – the parent company of TVAM	Giấy phép HĐ	15/ UBCK- GPHĐQLQ	28/12/2006	UBCKNN	-	0.00%				
4.13	TVS	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Công ty Cổ phần Camellia/ The management	ĐKKD	0317657066	19/01/2023	Sở Kế hoạch và đầu tư TPHCM	-	0.00%				Camellia Wealth là công ty con của TVAM Wealth/ Camellia Wealth is TVAM's subsidiary

STT/ Chủng No	Mã Chủng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
					of TVS – the parent company of Camellia JSC										
4.14	TVS	Cypress Growth Partners Pte Ltd (“Cypress”)			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Cypress/ The management person of TVS – the indirect parent company of Cypress	ĐKKD	202312271Z	30/03/2023	Singapore	-	0.00%				Cypress là công ty con của CTCP Camellia Wealth/ Cypress is Camellia's subsidiary
5	TVS	Nguyễn Thanh Thảo/ Mrs. Nguyễn Thanh Thao		Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc/ Member of BOD, General Director		CCCD			Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	3,220,841	1.41%	08/03/2023		Bổ nhiệm/ Appointment	
5.01	TVS	Nguyễn Mạnh Cường/ Mr Nguyễn Mạnh Cường			Cha/ Father	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH	-	0.00%				
5.02	TVS	Nguyễn Thị Thanh Hương / Mrs Nguyễn Thanh Hương			Mẹ/ Mother	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Chi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
5.03	TVS	Nguyễn Thanh Bình/ Ms Nguyen Thanh Binh			Em/ Sister	Hộ chiếu/ Passport			San Francisco	-	0.00%				
5.04	TVS	Nguyễn Evelyn/ Ms Nguyen Evelyn			Con/ Daughter	CCCD			CCS QLHC về TTXH	-	0.00%				
5.05	TVS	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt/ Thiên Viet Asset management JSC			Chủ tịch HĐQT/ Chairwoman of BOD	Giấy phép HĐ	15/ UBCK- GPHĐQLQ	28/12/2006	UBCKNN	-	0.00%				
5.06	TVS	Công ty cổ phần Finsight/ Finsight JSC			Chủ tịch HĐQT/ Chairwoman of BOD	ĐKKD	0316449345	20/08/2020	Sở KHĐT HCM	-	0.00%				
5.07	TVS	Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh/ Thiên Minh Credit Rating JSC			Thành Viên HĐQT/ Member of BOD	ĐKKD	0109307286	14/08/2020	Sở KH&ĐT Hà Nội/ DPI Hanoi	-	0.00%				
5.08	TVS	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Công ty Cổ phần Camellia/ The	ĐKKD	0317657066	19/01/2023	Sở Kế hoạch và đầu tư TPHCM	-	0.00%				Camellia Wealth là công ty con của TVAM Wealth/ Camellia Wealth is TVAM's subsidiary

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v/v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
5.09	TVS	Cypress Growth Partners Pie Ltd ("Cypress")			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Cypress/ The management person of TVS – the indirect parent company of Cypress	ĐKKD	202312271Z	30/03/2023	Singapore	-	0.00%				Cypress là công ty con của CTCP Camellia Wealth/ Cypress is Camellia's subsidiary
6	TVS	Ngô Nhật Minh/ Mr Ngo Nhat Minh		Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc/ Member of BOD, Deputy General Manager					Cục CS QLHC Vệ TTXH	645,915	0.28%	24/04/2024		Bổ nhiệm/ Appointment	
6.01	TVS	Mai Thanh Nga / Ms Mai Thanh Nga			Vợ/ Wife	CCCD			Cục CS QLHC Vệ TTXH	-	0.00%				
6.02	TVS	Ngô Nhật Đăng/ Mr Ngo Nhat Dang			Con trai/ Son	Hộ chiếu/ Passport			Cục quản lý xuất nhập cảnh	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
6.03	TVS	Ngô Phương Vy/ Ms Ngo Phuong Vy			Con/ Daughter	Hộ chiếu/ Passport			Cục quản lý xuất nhập cảnh	-	0.00%				
6.04	TVS	Hà Thị Kim Hạnh/ Ms Ha Thi Kim Hanh			Mẹ đẻ/ Mother	Hộ chiếu/ Passport			Cục quản lý xuất nhập cảnh	-	0.00%				
6.05	TVS	Ngô Thế Khanh/ Mr Ngo The Khanh			Bố đẻ/ Father	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH	-	0.00%				
6.06	TVS	Trịnh Minh Đức / Mr Trinh Minh Duc			Anh trai/ Brother	CCCD			Công an Thành phố Hà Nội	-	0.00%				Không có thông tin CCCD
6.07	TVS	Mai Công Mừng/ Ms Mai Cong Mung			Bố vợ/ Father in law	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH	-	0.00%				
6.08	TVS	Hoàng Thị Thanh Hương/ Ms Hoang Thi Thanh Huong			Mẹ vợ/ Mother in law	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH	-	0.00%				
6.09	TVS	Mai Hoàng Công Minh/ Mr Mai Hoang Cong Minh			Anh rể/ Brother in law	CCCD			Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	-	0.00%				
6.10	TVS	Đinh Thị Lan Hương/ Ms Dinh Thi Lan Huong			Chị dâu/ Sister in Law	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v/v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
6.11	TVS	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt/ Thiên Viet Asset management JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ của TVAM/ The management of TVS – the parent company of TVAM	Giấy phép HD	15/ UBCK- GPHDQLQ	28/12/2006	UBCKNN	-	0.00%				
6.12	TVS	Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh/ Thiên Minh Credit Rating JSC			Thành Viên HĐQT/ Member of BOD	ĐKKD	0109307286	14/08/2020	Sở KH&ĐT Hà Nội/ DPI Hanoi	-	0.00%				
6.13	TVS	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Công ty Cổ phần Camellia/ The management of TVS – the parent company of Camellia JSC	ĐKKD	0317657066	19/01/2023	Sở Kế hoạch và đầu tư TPHCM	-	0.00%				Camellia Wealth là công ty con của TVAM/ Wealth/ Camellia Wealth is TVAM's subsidiary
6.14	TVS	Cypress Growth Partners Pie Ltd ("Cypress")			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Cypress/ The	ĐKKD	202312271Z	30/03/2023	Singapore	-	0.00%				Cypress là công ty con của CTCP Camellia Wealth/ Cypress is

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v/v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
					management person of TVS – the indirect parent company of Cypress										Camellia's subsidiary
7	TVS	Trần Vinh Quang/ Mr Tran Vinh Quang		Thành viên HĐQT/ Member of BOD		CCCD			Cục CS QLHC Vệ TTXH	815,571	0.36%	24/04/2024		Bổ nhiệm/ Appointment	
7.01	TVS	Trần Xuân Đài/ Mr Tran Xuan Dai			Bố/ Father	CCCD			Cục CSQLHC VTXH	-	0.00%				
7.02	TVS	Đặng Thị Minh Cừ/ Ms Dang Thi Minh Cu			Mẹ/ Mother	CCCD			Cục CSQLHC VTXH	-	0.00%				
7.03	TVS	Trần Thị Hồng Hạnh/ Ms Tran Thi Hong Hanh			Chị/ Sister	CCCD			TPHCM	-	0.00%				Không có thông tin CCCD
7.04	TVS	Trần Đại Phúc/ Mr Tran Dai Phuc			Anh/ Brother	CCCD			Cục CSQLHC VTXH	-	0.00%				
7.05	TVS	Trần Thị Thanh Xuân/ Ms Tran Thi Thanh Xuan			Em/ Sister	CCCD			Cục CSQLHC VTXH	-	0.00%				
7.06	TVS	Nguyễn Thị Ngọc Diệp/ Ms Nguyen			Vợ/ Wife	CCCD			Cục CSQLHC VTXH	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percenta ge	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
		Thị Ngọc Diệp													
7.07	TVS	Trần Bảo Khang/ Mr Tran Bao Khanh			Con/ Son	Không có			-	-	0.00%				
7.08	TVS	Nguyễn Giang Hoài/ Mr Nguyen Giang Hoai			Bố vợ/ Father in law	Không có			-	-	0.00%				Không có thông tin
7.09	TVS	Nguyễn Thị Thu/ Ms Nguyen Thi Thu			Mẹ vợ/ Mother in law	CCCD				-	0.00%				
7.10	TVS	Nguyễn Ngọc Hiếu/ Mr Nguyen Ngoc Hieu			Em vợ/ Brother in law	CCCD				-	0.00%				
7.11	TVS	Vũ Hồng Dân/ Mr Vu Hong Dan			Em rể/ Brother in Law	CCCD				-	0.00%				
7.12	TVS	CTCP Quản lý Quỹ Thiên Việt/ Thiên Viet Asset management JSC			Tổng Giám đốc / General Director	Giấy phép HD	15/ UBCK-GPHĐQLQ	28/12/2006	UBCKNN	-	0.00%				
7.13	TVS	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3/ Thiên Viet 3 Growth Fund			Người điều hành quỹ/ Fund Manager	Giấy phép HD	35/ GCN-UBCK	16/08/2021	UBCKNN	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v/v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
7.14	TVS	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4/ Thien Viet 4 Growth Fund			Người điều hành quỹ/ Fund Manager	Giấy phép HĐ	28/ GCN-UBCK	30/06/2022	UBCKNN		-	0.00%				
7.15	TVS	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5/ Thien Viet 5 Growth Fund			Người điều hành quỹ/ Fund Manager	Giấy phép HĐ	380/ GCN-UBCK	27/10/2023	UBCKNN		-	0.00%				
7.16	TVS	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Công ty Cổ phần Camellia/ The management of TVS – the parent company of Camellia JSC	ĐKKD	0317657066	19/01/2023	Sở Kế hoạch và đầu tư TPHCM		-	0.00%				Camellia Wealth là công ty con của TVAM của TVAM Wealth/ Camellia Wealth is TVAM's subsidiary
7.17	TVS	Cyprus Growth Partners Pte Ltd ("Cyprus")			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Cyprus/ The management person of TVS – the indirect parent company of Cyprus	ĐKKD	202312271Z	30/03/2023	Singapore		-	0.00%				Cyprus là công ty con của CTCP Camellia Wealth/ Cyprus is Camellia's subsidiary

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH/ (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v/v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
8	TVS	Huỳnh Minh Việt/ Mr Huỳnh Minh Việt		Thành viên HĐQT/ Member of BOD		CCCD				-	0.00%	24/04/2024		Bổ nhiệm/ Appointment	
8.01	TVS	Nguyễn Thị Mai Anh/ Ms Nguyen Thi Mai Anh			Vợ/ Wife	CCCD				-	0.00%				
8.02	TVS	Huỳnh Nguyễn Minh Anh/ Mr Huynh Nguyen Minh Anh			Con/ Son	Hộ chiếu/ Passport				-	0.00%				
8.03	TVS	Huỳnh Nguyễn Thị Phương/ Ms Huynh Nguyen Thi Phuong			Con/ Daughter	Hộ chiếu/ Passport				-	0.00%				
8.04	TVS	Huỳnh Minh Đạo/ Mr Huynh Minh Dao			Con/ Son	Hộ chiếu/ Passport				-	0.00%				
8.05	TVS	Huỳnh Trung/ Mr Huynh Trung			Bố/ Father	CCCD				-	0.00%				
8.06	TVS	Nguyễn Thị Hoa/ Ms Nguyen Thi Hoa			Mẹ/ Mother	CCCD				-	0.00%				
8.07	TVS	Huỳnh Minh Phước/ Mr			Anh/ Brother	CCCD				-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
		Huỳnh Minh Phước													
8.08	TVS	Huỳnh Minh Vương/ Mr Huỳnh Minh Vuong			Em/ Brother	Hộ chiếu/ Passport				-	0.00%				Không có thông tin CCCD
8.09	TVS	Nguyễn Văn Việt/ Mr Nguyen Van Viet			Bố vợ/ Father in law	CCCD				-	0.00%				
8.10	TVS	Nguyễn Thị Nhiên/ Ms Nguyen Thi Nhiên			Mẹ vợ/ Mother in law	CCCD				-	0.00%				
8.11	TVS	Công ty CP Leadvisors ei Hospitality Holdings/ Leadvisors ei Hospitality Holdings JSC			Tổng giám đốc, TV HĐQT/ Director, Member of BOD	ĐKKD	0102672875	07/03/2008		-	0.00%				
8.12	TVS	Công ty CP One Capital Hospitality/ One Capital Hospitality JSC			TV HĐQT/ Member of BOD	ĐKKD	0800338780	24/07/2006		-	0.00%				
8.13	TVS	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt/ Thien Viet Asset			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ của TVAM/ The management of TVS – the	Giấy phép HD	15/ UBCK- GPHĐQLQ	28/12/2006	UBCKNN	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ person of the company	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ person of the company	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
		management JSC			parent company of TVAM										
8.14	TVS	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Công ty Cổ phần Camellia/ The management of TVS – the parent company of Camellia JSC	ĐKKD	0317657066	19/01/2023	Số Kế hoạch và dầu tư TPHCM	-	0.00%				Camellia Wealth là công ty con của TVAM Wealth/ Camellia Wealth is TVAM's subsidiary
8.15	TVS	Cypress Growth Partners Pte Ltd ("Cypress")			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Cypress/ The management person of TVS – the indirect parent company of Cypress	ĐKKD	202312271Z	30/03/2023	Singapore	-	0.00%				Cypress là công ty con của CTCP Camellia Wealth/ Cypress is Camellia's subsidiary
II	Ban điều hành (BOM)														
9	TVS	Bà Nguyễn Thanh Thảo/ Mrs. Nguyen Thanh Thao		Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc/Member of BOD, General Director		CCCD			Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	3,220,841	1.41 %	08/03/2023			Bổ nhiệm/ Appointment

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH/ (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (vv không có số giấy NSH và ghi chú khác)
10	TVS	Ngô Nhật Minh/Mr Ngo Nhat Minh		Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc/Member of BOD, Deputy General Manager		CCCD			Cục CS QLHC Vệ TTXH	645,915	0.28%	24/04/2023		Bổ nhiệm/ Appointment	
11	TVS	Bùi Thành Trung/ Mr Bui Thanh Trung		Phó Tổng giám đốc cấp cao / Senior Vice President		CCCD			TP. Hà Nội	248,560	0.11%	16/09/2024		Bổ nhiệm/ Appointment	
11.01	TVS	Lê Thanh Hằng/ Mrs. Le Thanh Hang			Mẹ/ Mother	CCCD			Cục CS QLHC Vệ TTXH	-	0.00%				
11.02	TVS	Bùi Tiến Thành/ Mr Bui Tien Thanh			Anh trai/ Brother	CCCD			Cục CS QLHC Vệ TTXH	-	0.00%				
11.03	TVS	Bùi Mạnh Dũng/ Mr Bui Manh Dung			Em trai/ Brother	CCCD			Cục CS QLHC Vệ TTXH	-	0.00%				
11.04	TVS	Nguyễn Thị Phương Mai/ Mrs Nguyen Thi Mai			Em dâu/ Sister in law	CCCD			Cục CS QLHC Vệ TTXH	-	0.00%				
11.05	TVS	Đào Thị Thùy Dung/ Mrs Dao Thi Thuy Dung			Vợ/ Wife	CCCD			Cục CS QLHC Vệ TTXH	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH/ (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Chi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
11.06	TVS	Bùi Thu Hương/ Mrs Bui Thu Huong			Con/ Daughter	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH		-	0.00%				
11.07	TVS	Bùi Minh Châu/ Mrs Bui Minh Chau			Con/ Daughter	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH		-	0.00%				
11.08	TVS	Lý Thị Hòa/ Mrs Ly Thi Hoa			Mẹ vợ/ Mother in law	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH		-	0.00%				
11.09	TVS	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt/ Thien Viet Asset management JSC			TV HĐQT/ Member of BOD	Giấy phép HĐ	15/ UBCK- GPHĐQLQ	28/12/2006	UBCKNN		-	0.00%				
11.10	TVS	Công ty cổ phần Finsight/ Finsight JSC			TV HĐQT/ Member of BOD	ĐKKD	0316449345	20/08/2020	Sở KHĐT HCM		-	0.00%				
11.11	TVS	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Công ty Cổ phần Camellia/ The management of TVS – the parent	ĐKKD	0317657066	19/01/2023	Sở Kế hoạch và đầu tư TPHCM		-	0.00%				Camellia Wealth là công ty con của TVAM Wealth/ Camellia Wealth is TVAM's subsidiary

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
					company of Camellia JSC										
11.12	TVS	Cypress Growth Partners Pte Ltd ("Cypress")			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Cypress/ The management person of TVS – the indirect parent company of Cypress	ĐKKD	202312271Z	30/03/2023	Singapore	-	0.00%				Cypress là công ty con của CTPC Camellia Wealth/ Cypress is Camellia's subsidiary
12	TVS	Đỗ Minh Tiến/ Mr Do Minh Tien		Giám đốc Tài chính kiểm Kế toán trưởng/ CFO cum Chief Accountant		CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH	90,000	0.04%	02/12/2024		Bổ nhiệm/ Appointment	
12.1	TVS	Đỗ Minh Việt/ Mr Do Minh Viet			Bố ruột/ Father	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH	-	0.00%				
12.2	TVS	Nguyễn Thị Kim Dung/ Mrs Nguyen Thi Kim Dung			Mẹ ruột/ Mother	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH	-	0.00%				
12.3	TVS	Đỗ Minh Tuấn/ Mr Do Minh Tuan			Em trai ruột/ Brother	CCCD			Cục CS QLHC Về TTXH	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH/ (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Chi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
12.04	TVS	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt/ Thiên Viet Asset Management JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ của TVAM/ The management of TVS – the parent company of TVAM	Giấy phép/ License	15/UBCK- GPHĐQLQ		UBCKNN / SSC	-	0.00%				
12.05	TVS	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Công ty Cổ phần Camellia/ The management of TVS – the parent company of Camellia JSC	ĐKKD	0317657066	19/01/2023	Sở Kế hoạch và đầu tư TPHCM	-	0.00%				Camellia Wealth là công ty con của TVAM Wealth/ Camellia Wealth is TVAM's subsidiary
12.06	TVS	Cypress Growth Partners Pte Ltd ("Cypress")			Người quản lý của TVS – Công ty mẹ gián tiếp của Cypress/ The management person of TVS – the indirect parent company of Cypress	ĐKKD	202312271Z	30/03/2023	Singapore	-	0.00%				Cypress là công ty con của CTCP Camellia Wealth/ Cypress is Camellia's subsidiary
III															

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
13	TVS	Đỗ Việt Hùng/ Mr Do Viet Hung		Trưởng Ban Kiểm soát/ Head of Board of Controllers		CCCD			Cục CS & QLHC Về TTXH	93.731	0.04%		23/04/2026	Miễn nhiệm ngày 23/04/2026/ dismissed on April 23, 2026	
13.01	TVS	Lâm Thị Tú Kiều/ Ms. Lam Thi Tu Kieu			Vợ/ Wife	CCCD			Cục CS & QLHC Về TTXH	-	0.00%				
13.02	TVS	Đỗ Thị Tuyết Hương/ Mrs Do Thi Tuyet Huong			Em/ Sister	Hộ chiếu/ Passport			France	-	0.00%				
13.03	TVS	CTCP Marketing Mặt trời Vàng/ Goldsun			Thành viên HĐQT/ Member of BOD	ĐKKD			Sở KH&ĐT HN	-	0.00%				
13.04	TVS	Công ty Truyền thông Tập trung Mặt trời vàng/ Goldsun Focus Media			TV HĐQT Độc lập/ Independent Member of BOD	ĐKKD	4103005487	11/01/2006	Sở KH&ĐT HCM	-	0.00%				
13.05	TVS	CTCP Truyền thông Ánh mặt trời vàng/ Goldsun Framedia			TV HĐQT Độc lập/ Independent Member of BOD	ĐKKD	0102524700	20/11/2007	Sở KH&ĐT Hà Nội	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (vv không có số giấy NSH và ghi chú khác)
13.06	TVS	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Long Văn/ Long Van Asset management JSC			Chủ tịch HĐQT/ Chairman	ĐKKD	0304474957	03/07/2006	Sở KH&ĐT Hà Nội Mình	-	0.00%				
13.07	TVS	Bà Đỗ Tuyết Lan/ Ms. Do Tuyet Lan			Chị ruột/ Sister	CCCD			CA TpHCM	-	0.00%				Không có thông tin CCCD
13.08	TVS	Trần Thoại Duy Bảo/ Mr Tran Thoai Duy Bao			Anh rể/ Brother in law					-	0.00%				Không có thông tin CCCD
13.09	TVS	Ông Đỗ Việt Tâm/ Mr. Do Viet Tam			Em ruột/ Brother	Hộ chiếu/ Passport			France	-	0.00%				
13.10	TVS	Bà Nguyễn Thị Mai Anh/ Ms Nguyen Thi Mai Anh			Em dâu/ Sister in Law					-	0.00%				Không có thông tin CCCD
13.11	TVS	Ông Lâm Minh Pháo/ Mr. Lam Minh Phao			Bố vợ/ Father in law	CCCD			Cục CS & QLHC Về TTXH	-	0.00%				
13.12	TVS	Bà Quách Thị Thủy/ Mrs. Quach Thi Thuy			Mẹ vợ/ Mother in law	CCCD			Cục CS & QLHC Về TTXH	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCC, Hệ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Quarter, My Thuan, An Giang	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (vv không có số giấy NSH và ghi chú khác)
14	TVS	Bà Trần Thị Hồng Nhung/ Mrs. Tran Thi Hong Nhung		Thành viên BKS/ Member of Board of Controller		CCCC			Cục CS & QLHC về TTXH		883,874	0.39%	23/04/2026		Từ nhiệm ngày 23/04/2026/ resigned on April 23, 2026	
14.01	TVS	Hồ Thị Thanh Tuyết/ Mrs Ho Thi Thanh Tuyet			Mẹ/ Mother	CCCC			Đà Nẵng		-	0.00%				
14.02	TVS	Phùng Quán/ Mr Phung Quan			Chồng/ Husband	CCCC			Cục CS & QLHC về TTXH		-	0.00%				
14.03	TVS	Phùng Nam Khánh/ Mr Phung Nam Khanh			Con/ Son	CCCC					-	0.00%				Còn nhỏ
14.04	TVS	Phùng Văn Khánh / Ms Phung Van Khanh			Con/ Daughter	CCCC			Cục CS & QLHC về TTXH		-	0.00%				Còn nhỏ
14.05	TVS	Trần Thị Tuyết Nhung/ Mrs Tran Thi Tuyet Nhung			Em/ Sister	CCCC			HCM		-	0.00%				
14.06	TVS	Nguyễn Văn Thanh Phương/ Mr. Nguyen Van Thanh Phuong			Em rể/ Brother in law	CCCC			HCM		-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (vv không có số giấy NSH và ghi chú khác)
14.07	TVS	Trần Quốc Cường/ Mr Tran Quoc Cuong			Em/ Brother	CCCD			HCM		-	0.00%				
14.08	TVS	Lê Thị Thắm/ Ms. Le Thi Tham			Em dâu/ Sister in law	CCCD			HCM		-	0.00%				
14.09	TVS	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt/ Thiên Viet asset Management			Thành viên HĐQT/ Member of BOD	Giấy phép HĐ	15/ UBCK-GPHĐQLQ	28/12/2006	UBCKN N	Lầu 9, 63A Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, TP.HCM/ 9th Floor, 63A Vo Van Tan, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	-	0.00%	30/05/2024			
14.10	TVS	Công ty CP Finsight/ Finsight JSC			TV HĐQT/ Member of BOD	ĐKKD	0316449345	20/08/2020	Sở KHĐT HCM	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh/ 7th Floor, Bitexco Nam Long Building, 63A Vo Van Tan, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	-	0.00%				
14.11	TVS	Công ty Cổ phần Camellia Wealth/ Camellia Wealth JSC			TV HĐQT/ Member of BOD	ĐKKD	0317657066	19/01/2023	Sở Kế hoạch và đầu tư TPHCM	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/	-	0.00%				Camellia Wealth là công ty con của TVAM Wealth/ Camellia Wealth is

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCC, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
														TVAM's subsidiary
14.12	TVS			Ba chồng/ Father in law	CCCC			Khánh Hòa	-	0.00%				
14.13	TVS			Mẹ chồng/ Mother in law	CCCC			Khánh Hòa	-	0.00%				
14.14	TVS			Người quản lý của TVAM – Công ty mẹ gián tiếp của Cypress/ The management person of TVAM – the indirect parent company of Cypress	ĐKKD/ ERC			Singapore	-	0.00%				Cypress là công ty con của CTCP Camellia Wealth/ Cypress is Camellia's subsidiary

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
15	TVS	Bùi Thế Toàn/ Mr Bui The Toan		Thành viên BKS/ Member of Board of Controller		CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	69,984	0.03%	23/04/2026		Bổ nhiệm/ Appointment	
15.01	TVS	Dương Thị Kim Ngân/ Ms Duong Thi Kim Ngan			Vợ/ Wife	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
15.02	TVS	Bùi Thế Khang/ Mr Bui The Khang			Con/ Son	Không có				-	0.00%				Còn nhỏ
15.03	TVS	Bùi Thế Anh/ Mr Bui The Anh			Con/ Son	Không có				-	0.00%				Còn nhỏ
15.04	TVS	Bùi Thế Vĩnh/ Mr Bui The Vinh			Bố đẻ/ Father	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
15.05	TVS	Phạm Thị Minh Hưng/ Ms Pham Thi Minh Hung			Mẹ đẻ/ Mother	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
15.06	TVS	Bùi Thị Hạnh Trinh/ Ms Bui Thi Hanh Trinh			Chị gái/ Sister	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
15.07	TVS	Huỳnh Văn Hiệp/ Mr Huynh Van Hiep			Anh rể/ Brother in law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (vv không có số giấy NSH và ghi chú khác)
15.08	TVS	Bùi Thị Thùy Trang/ Ms Bui Thi Thuy Trang			Chị gái/ Sister	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH		-	0.00%				
15.09	TVS	Dương Quốc Toàn/ Mr Duong Quoc Toan			Anh rể/ Brother in law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH		-	0.00%				
15.10	TVS	Bùi Thế Huy/ Mr Bui The Huy			Anh trai/ Brother	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH		-	0.00%				
15.11	TVS	Lê Thị Thu Hà/ Ms Le Thi Thu Ha			Chị dâu/ Sister in Law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH		-	0.00%				
15.12	TVS	Bùi Thị Ngọc Dung/ Ms Bui Thi Ngoc Dung			Chị gái/ Sister	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH		-	0.00%				
15.13	TVS	Nguyễn Thị Kim Loan/ Ms Nguyen Thi Kim Loan			Mẹ vợ/ Mother in law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH		-	0.00%				
15.15	TVS	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt/ Thien Viet asset Management			Trưởng Ban Kiểm soát/ Head of Board of Controllers	Giấy phép HĐ	15/ UBCK- GPHDQLQ	28/12/2006	UBCKN N	Lầu 9, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP HCM/ 9th Floor, 63A Vo Van Tan, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City	-	0.00%	30/05/2024			
16	TVS	Thái Thị Vân Anh/ Ms Thai Thi Van Anh			Trưởng Ban Kiểm soát/ Head of	CCCD	-		Cục cảnh sát QLHC về TTXH		1,000	0.00%	23/04/2026			Bổ nhiệm/ Appointment

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage ge	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (vv/ không có số giấy NSH và ghi chú khác)
					Board of Controllers										
16.01	TVS	Dương Vũ Hải/ Mr Duong Vu Hai			Chồng/ Husband	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
16.02	TVS	Nguyễn Thị Bích/ Ms Nguyen Thi Bich			Mẹ/ Mother	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
16.03	TVS	Thái Thị Thanh Thùy/ Ms Thai Thi Thanh Thuy			Chị gái/ Older sister	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
16.04	TVS	Thái Thị An Chung/ Ms Thai Thi An Chung			Chị gái/ Older sister	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
16.05	TVS	Thái Thị Vân Khánh/ Ms Thai Thi Van Khanh			Em gái/ Younger sister	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
16.06	TVS	Thái Quang Hòa/ Mr Thai Quang Hoa			Em trai/ Younger brother	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
16.07	TVS	Dương Khánh Linh/ Ms Duong Khanh Linh			Con gái/ Daughter	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
16.08	TVS	Dương Khánh Hà/ Ms Duong Khanh Ha			Con gái/ Daughter	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
16.09	TVS	Nguyễn Văn Giang/ Mr Nguyễn Văn Giang			Anh rể/ Brother-in- law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH		-	0.00%				
16.10	TVS	Hồ Thị Như Hoa/ Ms Ho Thi Nhu Hoa			Em dâu/ Sister-in-law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH		-	0.00%				
16.11	TVS	Lê Văn Tuấn/ Mr Le Van Tuan			Em rể/ Brother-in- law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH		-	0.00%				
16.12	TVS	Vũ Thị Đuộm/ Ms Vu Thi Duom			Mẹ chồng/ Mother-in- law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH		-	0.00%				
16.13	TVS	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC/ SMC Investment Trading Joint Stock Company			Thành viên Ban kiểm soát/ Member of Board of Controller	ĐKKD	0303522206	27/10/2004	Sở Tài chính TP HCM/ Departme nt of Finance of HCMC	124-126 Ung Văn Khiêm, Thành Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh/ 124-126 Ung Van Khiem, Thanh My Tay, HCMC	-	0.00%				
17	TVS	Trương Ngọc Hương Quỳnh/ Ms. Truong Ngoc Huong Quynh			Thành viên BKS/ Member of Board of Controller	CCCD			Cục QLHC về TTXH		700	0.00%	23/04/2026		Bổ nhiệm/ Appointment	
17.01	TVS	Trương Văn Hường/ Mr Truong Van Huong			Ba ruột/ Father	CCCD			Cục QLHC về TTXH		-	0.00%				
17.02	TVS	Nguyễn Thị Hải/ Ms			Mẹ ruột/ Mother	CCCD			Cục QLHC về TTXH		-	0.00%				

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH/ (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Ghi chú (vv không có số giấy NSH và ghi chú khác)
17.03	TVS	Trương Hoàng Vinh Phúc/ Mr Trương Hoang Vinh Phuc			Em trai/ Brother				Cục QLHC về TTXH	-	0.00%				
18	TVS	Bùi Thị Trang/ Ms Bui Thi Trang													
18.01	TVS	Bùi Quốc Việt/ Mr Bui Quoc Viet			Bố đẻ/ Father	CCCD			Cục CS & QLHC về TTXH	32,947	0.01%	08/02/2023		Bổ nhiệm/ Appointment	
18.02	TVS	Lê Thị Hà/ Ms Le Thi Ha			Mẹ đẻ/ Mother	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
18.03	TVS	Bùi Thị Hồng Vân/ Ms Bui Thi Hong Van			Chị gái/ Sister	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
18.04	TVS	Bùi Thị Thanh Huyền/ Ms Bui Thi Thanh Huyen			Chị gái/ Sister	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
IV Người phụ trách quản trị công ty và Người phụ trách công bố thông tin/ Person in charge of company administration & Person Authorized to Disclose Information															

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH/ (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Chi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
18.05	TVS	Vũ Trọng Nguyễn/ Mr Vu Trong Nguyen			Anh rể/ Brother in law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
18.06	TVS	Hoàng Kha/ Mr Hoang Kha			Chồng/ Husband	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
18.07	TVS	Hoàng Trọng/ Mr Hoang Trong			Ba chồng/ Father in law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
18.08	TVS	Nguyễn Thị Sư/ Ms Nguyen Thi Su			Mẹ chồng/ Mother in law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
19	TVS	Lê Thị Tuyết Nhưng/ Ms Le Thi Tuyet Nhưng		Người ủy quyền công bố thông tin/ Person Authorized to Disclose Information		CCCD			Bộ Công an	55,009	0.02%	01/03/2023		Bổ nhiệm/ Appointment	
19.01	TVS	Bùi Tuấn Đạt/ Mr Bui Tuan Dat			Chồng/ Husband	CCCD			Bộ Công an	-	0.00%				
19.02	TVS	Bùi Nam Phong/ Mr Bui Nam Phong			Con trai/ Son	CCCD			Bộ Công an	-	0.00%				Còn nhỏ
19.03	TVS	Bùi Minh Khôi/ Mr Bui Minh Khoi			Con trai/ Son	CCCD			Bộ Công an	-	0.00%				Còn nhỏ

STT/ No	Mã Chứng khoán/ Code	Họ và tên/ Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty/ Position at the Company	Mối quan hệ đối với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Loại hình Giấy NSH (CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/ Type	Số Giấy NSH/ Registration number	Ngày cấp giấy NSH/ Date of issue	Nơi cấp/ Place of issue	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/ Percentage	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và mục 14)	Chi chú (v.v không có số giấy NSH và ghi chú khác)
19.04	TVS	Lê Thanh Tịnh / Mr Le Thanh Tinh			Bố đẻ/ Father	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
19.05	TVS	Phạm Thị Hong Vân/ Ms Phạm Thị Hong Van			Mẹ đẻ/ Mother	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
19.06	TVS	Lê Thị Mai Giang/ Ms Le Thi Mai Giang			Em gái/ Sister	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
19.07	TVS	Trần Việt Đức/ Mr Tran Viet Duc			Em rể/ Brother in law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
19.08	TVS	Bùi Quang Vinh/ Mr Bui Quang Vinh			Bố chồng/ Father in law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				
19.09	TVS	Lâm Thị Nhưng/ Ms Lam Thi Nhưng			Mẹ chồng/ Mother in law	CCCD			Cục cảnh sát QLHC về TTXH	-	0.00%				

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	
1	Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc/Member of BOD, General Director	2,620,841	1.17%	3,220,841	1.41%	Nhận theo đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động/Receipt of shares issued under ESOP
2	Bùi Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc cấp cao/Senior Vice President	98,560	0.04%	248,560	0.11%	Nhận theo đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động/Receipt of shares issued under ESOP
3	Trần Vinh Quang	Thành viên HĐQT/Member of BOD	615,571	0.27%	815,571	0.36%	Nhận theo đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động/Receipt of shares issued under ESOP
4	Ngô Nhật Minh	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/Member of BOD, Deputy General Manager	395,915	0.18%	645,915	0.28%	Nhận theo đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động/Receipt of shares issued under ESOP
5	Đỗ Minh Tiến	Kế toán trưởng/Chief Accountant	-	0.00%	90,000	0.04%	Nhận theo đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động/Receipt of shares issued under ESOP

Stt No.	Người thực hiện giao dịch/ <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ/ <i>Relationship with internal persons</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)/ <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
6	Bùi Thế Toàn	Thành viên BKS/ <i>Member of Board of Controller</i>	29,984	0.01%	69,984	0.03%	Nhận theo đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động/ <i>Receipt of shares issued under ESOP</i>
7	Lê Thị Tuyết Nhưng	Người ủy quyền công bố thông tin/ <i>Person authorized to disclose information</i>	25,009	0.01%	55,009	0.02%	Nhận theo đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động/ <i>Receipt of shares issued under ESOP</i>
8	Bùi Thị Trang	Người phụ trách quản trị công ty/ <i>Person in charge of company administration</i>	12,947	0.01%	32,947	0.01%	Nhận theo đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động/ <i>Receipt of shares issued under ESOP</i>

VIII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues
Không có/ None.

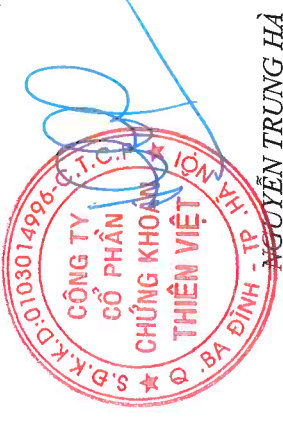
Nơi nhận:

Recipients:

- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Sign, full name and seal)



NGUYỄN TRUNG HÀ

